TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HS-PT
Ngày: 10/01 /2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Ông Phùng Anh Dũng

Bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, tiến hành xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 514/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Đinh Nhật T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số **78**/2024/HS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2422/2024/QĐXXPT-HS ngày 19 tháng 12 năm 2024.

Bị cáo có kháng cáo:

ĐINH NHẬT T - sinh ngày 06 tháng 6 năm 1993 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ 04, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: nguyên chuyên viên Ngân hàng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Q và con bà Vũ Thị Bích V; vợ: Nguyễn Trần Thị P; con: có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Quảng Ngãi từ ngày 05/7/2023 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Đinh Nhật T:* Luật sư Nguyễn Quốc Thái – Công ty Luật TNHH Luật Việt Tín Trung thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 355 đường Nguyễn Trãi, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

***** *Bị hại*:

1/ Anh Nguyễn Phạm C, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ dân phố 2, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Chị Trương Thị Thanh T, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn 2, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở hiện tại: Số 301 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3/ Anh Trương Văn H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 98 Ngô Quyền, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số 636-638 Hai Bà Trưng, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4/ Chị Trần Thị Ánh T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 09, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5/ Anh Nguyễn H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 37, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

6/ Chị Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 272/28/22 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

7/ Anh Trần Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 7, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Đều vắng mặt, chỉ có mặt chị Hoàng Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đinh Nhật T, nguyên là Chuyên viên quản lý khách hàng thuộc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (tên viết tắt: Ngân hàng BIDV). Từ ngày 01/7/2016 đến ngày 21/03/2022, bị cáo làm việc tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Dung Quất, đến ngày 22/03/2022 nghỉ việc. Trong thời gian từ tháng 02/2022 đến cuối tháng 03/2022, do cần tiền để trả các khoản nợ vay trước đó, đầu tư ngoại hối tại các trang web Tifia.com và Liteforex.com và tiêu xài cá nhân, bị cáo đã đưa ra nhiều thông tin gian dối như: để đáo hạn ngân hàng, đặt cọc đất, đưa chú mua gỗ … nhằm mục đích vay, mượn tiền của nhiều người rồi chiếm đoạt, với tổng số tiền **5.700.000.000** đồng, cụ thể:

1. Đối với bị hại Nguyễn Phạm C:

Ngày 23/02/2022, bị cáo sử dụng tài khoản Zalo số điện thoại 0946.802.806 nhắn tin cho anh **Nguyễn Phạm C** hỏi vay số tiền 700.000.000 đồng để đưa cho một ông chú thu mua gỗ keo và hẹn trả nợ vào ngày 01/03/2022. Do có quen biết từ trước và từng cho bị cáo vay mượn nhiều lần, tin tưởng bị cáo nên anh C đã dùng tài khoản Ngân hàng PVcombank số 107000554903 chuyển tiền đến tài khoản Ngân hàng SHB số tài khoản 1019643402 của bị cáo 02 lần, một lần số tiền 400.000.000 đồng, một lần số tiền 300.000.000 đồng, nội dung "*Cong cho muon tien 700tr ngày 23.02.2022"*. Sau khi nhận tiền, bị cáo chiếm đoạt tiền và dùng trả nợ, xử lý việc cá nhân của bị cáo, không đưa cho ông chú thu mua gỗ keo như đã nói với anh C.

Tiếp đến ngày 25/02/2022 (*nhằm ngày Thứ sáu*), bị cáo tiếp tục nhắn tin hỏi vay của anh C số tiền 150.000.000 đồng để đưa cho ông chú bên phía vợ ở đường Trường Chinh và hẹn đến ngày 01/03/2022 (thứ ba) trả, trong cùng ngày anh C chuyển số tiền 150.000.000 đồng đến số tài khoản Ngân hàng SHB số 1019643402 của bị cáo với nội dung ghi chuyển khoản "*Cong cho muon 150tr ngày 25.02.2022*". Tương tự như ngày 23/02/2022, sau khi anh C chuyển tiền thì bị cáo chiếm đoạt và sử dụng để trả nợ cá nhân. Ngày 03/03/2022, bị cáo tiếp tục nhắn tin cho anh C hỏi vay số tiền 300.000.000 đồng với lý do đáo hạn Ngân hàng (cho doanh nghiệp) và hẹn ngày 04/03/2022 trả. Anh C đồng ý và tiếp tục chuyển số tiền nêu trên vào tài khoản 1019643402 của bị cáo với nội dung ghi chuyển khoản "*Cong cho muon 300tr ngày 03.03.2022*". Sau khi nhận được tiền bị cáo chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 10/03/2022, bị cáo vay tiếp số tiền 250.000.000 đồng với lý do đáo hạn ngân hàng và hẹn cùng ngày trả. Anh C đồng ý và chuyển tiền cho bị cáo như những lần trước thì bị cáo chiếm đoạt. Sau nhiều lần anh C yêu cầu bị cáo trả các khoản nợ trên thì bị cáo đều đưa ra nhiều lý do vướng hồ sơ giải ngân của Ngân hàng, doanh nghiệp chưa nhận tiền … để kéo dài thời gian trả nợ. Đến ngày 21/03/2022, sau khi vay được tiền của bị hại Trần Văn T1 như nêu dưới đây thì bị cáo chuyển trả cho anh C số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 22/03/2022, bị cáo nghỉ việc và đi khỏi địa phương.

Tổng tiền bị cáo chiếm đoạt của anh C là 1.400.000.000 đồng.

2. Đối với chị Hoàng Thị Thanh H:

Bị cáo Đinh Nhật T có quan hệ họ hàng (*chị em họ*) với chị Hiền. Vào ngày 01/03/2022, bị cáo hỏi vay của chị **Hoàng Thị Thanh H** số tiền 650.000.000 đồng, với lý do để đáo hạn Ngân hàng. Chị Hđồng ý cho vay và nhờ chị Dương Thị L ở xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi chuyển

tiền cho bị cáo 02 lần, 01 lần 400.000.000 đồng và 01 lần 250.000.000 đồng từ tài khoản số 6540101989999 của Dương Thị Liên tại Ngân hàng Quân Đội (MB Bank) đến tài khoản số 1019643402 của bị cáo tại Ngân hàng SHB. Đến ngày 08/03/2022, bị cáo tiếp tục vay của Chị Hsố tiền 650.000.000 đồng, với cùng lý do nêu trên. Chị H đồng ý cho vay và mượn của ông Nguyễn Văn T (hiện đang sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh) số tiền này và chuyển cho bị cáo 02 lần, 01 lần chuyển 490.000.000 đồng và 01 lần chuyển 160.000.000 đồng từ số tài khoản số 1110111069999 của Chị H tại Ngân hàng MB Bank đến tài khoản số 0291000351357 của bị cáo tại Ngân hàng Vietcombank. Sau khi nhận được tiền của chị Hiền, bị cáo sử dụng vào việc trả nợ cá nhân và đầu tư ngoại hối, không đáo hạn ngân hàng cho khách như bị cáo nói với chị H. Đến ngày 18/03/2022, sau khi vay được tiền của bị hại **Nguyễn H1** thì bị cáo dùng một phần số tiền vay của anh Hđể chuyển trả nợ cho Chị H số tiền 500.000.000 đồng. Đối với số tiền chị Hoàng Thị Thanh H vay mượn của ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị L, Chị H đã vay ngân hàng và lấy tiền cá nhân để trả.

Tổng tiền T chiếm đoạt của bà Hiền là 1.300.000.000 đồng.

3. Đối với chị Trần Thị Ánh T:

Khoảng đầu tháng 03/2022, bị cáo Đinh Nhật T nhắn tin cho chị Trần Thị Ánh T để hỏi vay số tiền 700.000.000 đồng, với lý do làm hồ sơ đáo hạn ngân hàng cho khách. Do tin tưởng bị cáo, vì trước đây chị Tuyết đã từng cho bị cáo vay, mượn tiền nhiều lần và trả đúng hẹn nên chị T đồng ý cho vay. Chị Tuyết đã chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho bị cáo, cụ thể: vào ngày 09/3/2022 chuyển số tiền 200.000.000 đồng; ngày 21/3/2022 chuyển 02 lần, lần thứ nhất 200.000.000 đồng và lần thứ hai 300.000.000 đồng, với nội dung giao dịch "*chuyen tien tan muon*". Sau khi nhận được tiền, chiếm đoạt và sử dụng vào việc trả nợ cá nhân, đầu tư ngoại hối.

Tổng tiền bị cáo chiếm đoạt của chị T là 700.000.000 đồng.

4. Đối với anh Trương Văn H:

Anh Trương Văn H quen biết với bị cáo Đinh Nhật T thông qua việc vay vốn tại ngân hàng. Ngày 11/03/2022, bị cáo sử dụng Zalo số điện thoại 0946.802.806 nhắn tin cho anh H hỏi vay số tiền 700.000.000 đồng, với lý do làm đáo hạn ngân hàng và hẹn đến ngày 15/3/2022 sẽ trả lại. Do tin tưởng bị cáo nên anh H đồng ý cho vay. Trong cùng ngày 11/03/2022, anh H 02 lần chuyển tiền đến tài khoản số 0291000351357 của bị cáo tại Ngân hàng Vietcombank số tiền lần lượt là 400.000.000 đồng và 300.000.000 đồng, với nội dung "*TRUONG VAN H chuyen tien Tan muon*". Sau khi nhận được tiền, bị cáo chiếm đoạt sử dụng để trả nợ cá nhân và đầu tư ngoại hối;

Tổng tiền bị cáo chiếm đoạt của anh H là **700.000.000 đồng**.

5. Đối với chị Trương Thị Thanh T1:

Bị cáo Đinh Nhật T với chị Trương Thị Thanh T1 là bạn bè. Vào ngày 11/03/2022, bị cáo nhắn tin qua tài khoản zalo của chị Trương Thị Thanh T1, với nội dung "anh đang cần tiền cọc đất" và hỏi mượn số tiền 100.000.000 đồng hẹn đến ngày 14/3/2022 trả lại. Vì tin tưởng bị cáo, chị T2 đồng ý cho bị cáo vay số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó, chị T2 nhờ bạn trai là anh Nguyễn Tuấn V chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản số 0271000977624 của anh Việt tại Ngân hàng Vietcombank đến tài khoản số 0291000351357 của bị cáo tại Ngân hàng Vietcombank. Nhận được tiền, bị cáo không sử dụng vào việc đặt cọc đất như đã nói với chị T2 mà chiếm đoạt dùng để trả nợ cho người khác. Tổng tiền bị cáo chiếm đoạt của chị Tuyền là **100.000.000 đồng**.

6. Đối với anh Nguyễn H:

Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, bị cáo biết anh Nguyễn H có cho vay tiền. Vào ngày 18/03/2022, bị cáo dùng số điện thoại 0946.802.806 gọi điện cho anh Htự xưng là nhân viên Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Dung Quất và hỏi vay số tiền 700.000.000 đồng để xử lý nợ hồ sơ vay cho khách hàng, cam kết trả trả cho anh Htrong thời hạn 05 ngày (tức ngày 23/3/2022) thì anh H nói với bị cáo là để anh Hxác minh lại. Anh H liên hệ với chị Vương Thị Như Ánh để xác minh thông tin thì được biết bị cáo là nhân viên ngân hàng, có vợ là Nguyễn Trần Thị P làm cùng Ngân hàng với chị A. Vì tin tưởng bị cáo T cần tiền để làm hồ sơ đáo hạn cho khách nên anh Hđồng ý cho bị cáo vay. Anh H yêu cầu bị cáo viết Giấy mượn tiền rồi chụp gửi qua tài khoản Zalo cho anh Hà. Sau đó, anh H dùng tài khoản số 000102198918 của anh tại Ngân hàng Vietcombank chuyển 02 lần đến tài khoản số 0291000351357 của bị cáo tại Ngân hàng Vietcombank, mỗi lần số tiền 350.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 700.000.000 đồng. Nhận được tiền, bị cáo không làm hồ sơ đáo hạn như nói với anh Hmà chiếm đoạt sử dụng số tiền 500.000.000 đồng để trả nợ cho chị Hoàng Thị Thanh H, số tiền còn lại 200.000.000 đồng bị cáo dùng để đầu tư ngoại hối. Tổng tiền bị cáo chiếm đoạt của anh H là **700.000.000 đồng**.

7. Đối với anh Trần Văn T3:

Ngày 21/03/2022, thông qua ông Trần Nguyên T (hiện đang định cư ở Mỹ) nên anh Trần Văn T3 biết bị cáo Đinh Nhật T có nhu cầu vay tiền. Anh T3 chủ động gọi điện thoại cho bị cáo (số điện thoại của bị cáo do ông T4 cung cấp cho anh T3) hỏi bị cáo T có phải có nhu cầu cần vay tiền đúng không thì bị cáo nói đúng. Sau đó, bị cáo nói với anh T3 cần vay số tiền 800.000.000 đồng, với mục đích "*để đổi lấy sổ đỏ trong ngân hàng ra để làm lại sổ đỏ mới*" và hẹn 02

ngày sau (tức ngày 23/3/2022) sẽ trả lại cùng với số tiền lãi 1.000.000 đồng theo thỏa thuận với anh T3. Tuy nhiên lúc này, bị cáo T không có mặt tại thành phố Quảng Ngãi nên bị cáo nhắn tin số điện thoại của chị Nguyễn Trần Thị P (là vợ của bị cáo) cho anh T3và bảo anh T3liên hệ với chị P đang làm việc tại Ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch Hùng Vương để chị Pviết giấy mượn tiền giúp cho bị cáo. Sau đó, anh T3liên hệ với chị Phúc, nói chị Pviết giấy mượn tiền và điểm chỉ ngón tay vào trong giấy để làm tin. Anh T3đưa tiền mặt cho chị Pnhưng chị Pkhông nhận, nói anh T3đưa cho bị cáo chứ chị không biết về số tiền này. Do chị Pkhông nhận nên cùng ngày, anh T3chuyển số tiền 800.000.000 đồng đến tài khoản số 0291000351357 của bị cáo tại Ngân hàng Vietcombank. Nhận được tiền, bị cáo không xử lý hồ sơ, lấy sổ đỏ trong ngân hàng như đã nói với anh T3mà chiếm đoạt dùng một phần trả nợ cho anh Nguyễn Phạm C, một số cá nhân khác và tiêu xài cá nhân.

Tổng tiền bị cáo chiếm đoạt của anh T3 là **800.000.000 đồng**.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Quảng Ngãi đã tạm giữ các vật chứng, đồ vật, tài sản có liên quan sau:

- 01 Giấy mượn tiền (bản gốc) đề ngày 21/02/2022 do bà Nguyễn Trần Thị P ghi, được lưu cùng hồ sơ vụ án.

- 01 USB chứa file ghi âm cuộc gọi do ông Nguyễn Hà cung cấp, được lưu cùng hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 19/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố Đinh Nhật Tphạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2024/HS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Xử phạt bị cáo Đinh Nhật T 13 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";* thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 05/7/2023).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 30/8/2024, bị cáo Đinh Nhật T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/09/2024, bị hại Trương Văn Hiền kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và xem xét về số tiền khắc phục, chỉ trả trước 5 triệu đồng mà sơ thẩm nhận định là tiền khắc phục hậu quả là không phù hợp.

Ngày 09/9/2024, bị hại Trần Văn T1 kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Đinh Nhật T và xem xét trách nhiệm đối với hành vi giúp sức của chị Nguyễn Trần Thị P để khắc phục số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại Trang.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, các bị hại giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo trình bày: Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, lý do: gia đình của bị cáo có công cách mạng, cha mẹ đau ốm, mức hình phạt Toà án sơ thẩm xử phạt bị cáo nặng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét, lời khai nhận tội của bị cáo Đinh Nhật T phù hợp với đơn tố cáo và lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: do làm ăn thu lỗ, lợi dụng là nhân viên Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Dung Quất, trong khoảng thời gian cuối tháng 02/2022 đến cuối tháng 03/2022, bị cáo Đinh Nhật T bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, đưa ra nhiều thông tin gian dối như đáo hạn ngân hàng, đặt cọc đất, mua gỗ...để các bị hại tin tưởng cho bị cáo vay mượn tiền nhiều lần. Bị cáo đã chiếm đoạt của 07 bị hại, gồm: Anh Nguyễn Phạm C, chị Trương Thị Thanh T1, anh Trương Văn Hiền, chị Trần Thị Ánh T, anh Nguyễn H, chị Hoàng Thị Thanh H và anh Trần Văn T3; với tổng cộng số tiền là 5.700.000.000đồng (*Năm tỷ bảy trăm triệu đồng*). Với hành vi của bị cáo Đinh Nhật T nên Tòa án cấp sơ thẩm kết bị cáo tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng "Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, hậu quả mà bị cáo gây ra không những trực tiếp xâm hại quyền sở hữu về tài sản của các bị hại mà còn tạo ra tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi

phạm tội của mình, bị cáo có ông, bà là người có công cách mạng; có cha đẻ có thành tích xuất sắc trong công tác, được Ngân hàng chính sách xã hội tặng nhiều bằng khen bị cáo và tại giai đoạn sơ thẩm bị cáo đã khắc phục một phần nhỏ hậu quả cho các bị hại, cụ thể: bị cáo đã trả cho chị Trương Thị Thanh T1 20.000.000 đồng, chị Hoàng Thị Thanh H 10.000.000, riêng các khoản tiền bị cáo trả cho anh Trương Văn H 5.000.000 đồng, chị Trần Thị Ánh T 5.000.000 đồng, anh Nguyễn H 9.000.000 đồng và anh Trần Văn T18.000.000 đồng thì bị cáo không yêu cầu khấu trừ, để khắc phục một phần thiệt hại lãi suất cho các bị hại.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu tại mục [1] và [2], đã xử phạt bị cáo với mức hình phạt 13 năm tù là có căn cứ, phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và các bị hại kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và tăng nặng hình phạt của bị hại Trương Văn Hiền và Trần Văn Trang; giữ nguyên mức án mà Bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên.

[4] Đối với kháng cáo của bị hại Trần Văn T1xem xét trách nhiệm đối với hành vi giúp sức của chị Nguyễn Trần Thị P, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận. Bởi, chị Plà vợ bị cáo Tân, chị Pcó giúp bị cáo T làm việc với bị hại Trần Văn T1viết giấy mượn tiền và xác nhận nội dung vay tiền đáo hạn với anh Nguyễn H. Nhưng chị P không biết động cơ, mục đích thực sự của bị cáo và không hưởng lợi từ số tiền này. Bị cáo sử dụng khoản tiền của anh T3và anh Hvào trả nợ riêng của bị cáo không sử dụng vào việc chung của vợ chồng. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh không đủ căn cứ xác định chị P đồng phạm giúp sức với bị cáo Tân, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét trách nhiệm của chị P là có cơ sở.

[5] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí: kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm, các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại Trần Văn T3, Trương Văn H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2024/HS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đinh Nhật T 13** (mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 05/7/2023).

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2024/HS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quãng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quãng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quãng Ngãi;
- Phòng HSNV – Công an tỉnh Quãng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quãng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quãng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quãng Ngãi;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Ngọc Dung